

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

V/v đăng ký môi trường cho dự án Bồn chứa
LPG Thi Vải.

Kính gửi: Ủy Ban Nhân Dân phường Tân Phước.

Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS) là Chủ đầu tư của dự án Bồn chứa LPG Thị Vải (Dự án), thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS): Tầng 12-14, Tòa nhà PV GAS Tower, số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12 tháng 12 năm 2023.
- Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP: Ông Phạm Văn Phong – Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 028 3781 6777; Fax: 028. 3781 5666; E-mail: pvgas@pvgas.com.vn

Căn cứ mục b, khoản 15, Điều 168 điều khoản chuyển tiếp Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Đại diện Chủ đầu tư dự án, Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Quản lý Dự án Khí (PV GAS PMC) đăng ký môi trường cho Dự án với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Bồn chứa LPG Thị Vải (theo Quyết định phê duyệt dự án số 1204/QĐ-KVN ngày 24 tháng 12 năm 2021 của PV GAS).

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt theo Quyết định số 155/QĐ-BQL ngày 08/12/2021 phù hợp với Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

- 1.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: trong khuôn viên Kho cảng PV GAS Vũng Tàu tại Thị Vải (KCTV), Khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- + Tổng mức đầu tư của dự án: 335.212.593.707 VNĐ và 19.929.512 USD
- + Nguồn vốn đầu tư: vốn chủ sở hữu 100%

- + Tiến độ thực hiện dự án: dự kiến 18 tháng kể từ khi ký Hợp đồng EPC.

1.3. Quy mô, công suất, công nghệ của dự án đầu tư:

1.3.1. Quy mô:

Dự án có quy mô như sau:

- + 03 bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), công suất 2.000 tấn/bồn
- + 09 bơm xuất LPG (trong đó đầu tư mới 03 bơm và tái sử dụng 06 bơm của công trình hiện hữu với công suất 250m³/giờ/bơm)
- + 01 máy nén hơi LPG của công trình hiện hữu, công suất 750m³/giờ
- + 02 bồn chứa nước cứu hỏa hình trụ mới, dung tích 3.625m³/bồn
- + 03 bơm nước chữa cháy mới, công suất 1.152m³/giờ/bơm
- + Hệ thống ống cứu hỏa
- + Hệ thống ống công nghệ, giá đỡ ống, thiết bị cơ khí/điện/điều khiển...
- + Hệ thống phòng cháy, chữa cháy
- + Hệ thống công nghệ phụ trợ.

1.3.2. Công nghệ vận hành

- Hệ thống bồn chứa LPG gồm 03 bồn chứa LPG hình cầu TK-60101/60201/60301 có công suất 2.000 tấn/bồn, nhận LPG từ các nguồn GPP Dinh Cốc, Kho LPG lạnh Thị Vải và nguồn nhập khẩu.
- Hệ thống bơm xuất LPG: LPG được xuất ra cầu cảng và xe bồn thông qua hệ thống 09 bơm, bao gồm 06 bơm hiện hữu P-7201A/B/C, P-7301A/B/C được tái sử dụng và 03 bơm mới P-7101A/B/C.
- Hệ thống máy nén hơi LPG: Máy nén hơi LPG hiện hữu CMP-8101A được tái sử dụng. Máy nén hơi LPG thiết kế để tận dụng hơi hồi về từ cảng, xe bồn hoặc từ bồn hình cầu trong quá trình bảo trì bồn chứa LPG.
- Hệ thống đo đếm lỏng: Có 04 cụm đo đếm LPG lỏng (FE-2304/ FE-2404/FE-2310/ FE-2410) để đo lưu lượng LPG trong quá trình xuất ra cảng hoặc tới khu vực xuất xe bồn.
- Hệ thống đo đếm hơi: Lưu lượng hơi LPG hồi về bồn từ khu vực Cầu cảng số 1, Cầu cảng số 2 được đo đếm thông qua 04 cụm đo đếm lắp ở khu vực bồn mới.

1.3.3. Loại hình dự án

- Dự án Bồn chứa LPG Thị Vải là một dự án xây dựng mới, thực hiện trong khu vực khuôn viên Kho cảng PV GAS Vũng Tàu tại Thị Vải (KCTV).
- Dự án công nghiệp dầu khí nhóm B (theo Luật đầu tư công 39/2019/QH14), công trình cấp I.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư

2.1. Nhu cầu về nhiên liệu phục vụ Dự án:

- Dự án sử dụng nhiên liệu dầu DO để chạy máy bơm nước chữa cháy. Công suất



được tính để đảm bảo cung cấp cho bơm hoạt động với tối đa công suất tối thiểu trong 08 giờ. Hệ thống dầu nhiên liệu bao gồm 01 bình hình trụ ngang công suất 2.5 m³, cấp cho các bình trong bơm chữa cháy theo kiểu chảy trọng lực

2.2. Nhu cầu về sử dụng hóa chất

- Ngoài chức năng tồn chứa LPG, Dự án không sử dụng hóa chất khác trong quá trình vận hành.

2.3. Nhu cầu sử dụng điện

Dự án sử dụng nguồn điện lưới hiện hữu tại khu vực Kho cảng Thị Vải. Khi nguồn điện bị gián đoạn bởi sự cố hệ thống điện lưới, Dự án sử dụng nguồn điện từ hệ thống UPS hiện hữu để cấp nguồn cho tải chiếu sáng khẩn cấp và một số phụ tải quan trọng khác.

2.4. Nhu cầu sử dụng nước

- Dự án có 02 bồn chứa nước chữa cháy hình trụ có dung tích 3.625 m³/bồn

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án trong giai đoạn vận hành

3.1. Loại, khối lượng nước thải phát sinh

a. Nước thải sinh hoạt

- Dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt do không có thêm nhân sự vận hành trong quá trình hoạt động, hệ thống điều khiển vận hành tích hợp vào hệ thống hiện hữu của KCTV.

b. Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực kho chứa LPG với lưu lượng nhỏ (khoảng 0,208m³/s – số liệu từ báo cáo Đánh giá tác động môi trường). Lượng mưa hàng năm tại khu vực KCTV không quá lớn.

c. Nước thải nhiễm dầu

- Hoạt động vận hành bình thường của Dự án không phát sinh nước thải nhiễm dầu.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh

- Hoạt động vận hành bình thường của Dự án không phát sinh khí thải.
- Nguồn khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu từ hoạt động đốt được trong trường hợp khẩn cấp với tổng lượng khí phát sinh ước tính khoảng 08 tấn/giờ. Thành phần chủ yếu là CO₂, CO, NO_x, SO₂ ... Ngoài ra dự án còn có trang bị 03 máy bơm nước Diesel để phục vụ cho hệ thống nước phòng cháy chữa cháy trong trường hợp khẩn cấp với lưu lượng khí thải không đáng kể.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Dự án không phát sinh thêm người khi đi vào vận hành nên không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và nguy hại

02
TH
CỐ
T
Y
T
Á
T.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường và nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành thương mại của Dự án chủ yếu từ các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ. Tổng khối lượng chất thải khoảng 50 kg/năm, bao gồm: hộp mực in thải, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,... được thu gom vào các thùng chứa có dán nhãn được bố trí rải rác trong khuôn viên của KCTV cùng với các loại chất thải phát sinh trong hoạt động hiện hữu của kho cảng, sau đó định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý (Công ty TNHH Hà Lộc).

3.4. Các tác động môi trường khác

- Với đặc trưng là các bồn chứa, do đó hoạt động vận hành của Dự án không phát sinh ô nhiễm tiếng ồn, độ rung.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư

Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải đề xuất thực hiện trong giai đoạn vận hành bao gồm:

4.1. Thu gom, quản lý và xử lý nước thải

a. Thu gom, quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt

Như trình bày ở trên, Dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt.

b. Thu gom, quản lý và xử lý nước mưa chảy tràn

- Trang bị hệ thống mương hở bê tông cốt thép (có nắp đậy bằng tấm grating), bề rộng 400mm được bố trí rộng khắp và xung quanh 2 bồn chứa cháy và bồn chứa khí LPG phục vụ cho việc thoát nước mưa và đầu nối vào tuyến mương hiện hữu của KCTV.

- Nước mưa chảy tràn (nước sạch) được thu gom bằng hệ thống thu gom nước mưa chạy dọc bao quanh KCTV và thải ra sông Thị Vải

- Nước mưa chảy tràn (nhiễm dầu) được thu gom bằng hệ thống thu gom nước mưa chạy dọc bao quanh KCTV và dẫn về HTXL nước thải nhiễm dầu để xử lý đạt tiêu chuẩn thải trước khi thải ra môi trường

c. Thu gom, quản lý và xử lý nước thải nhiễm dầu

- Nước thải nhiễm dầu phát sinh trong quá trình bảo dưỡng được đưa về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu tại Kho cảng Thị Vải để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Theo thiết kế HTXL nước thải hiện hữu tại Kho cảng Thị Vải có công suất 288m³/giờ, do đó sẽ hoàn toàn đủ công suất xử lý lượng nước thải phát sinh thêm.
- Hiện nay, Ban quản lý KCN Cái Mép đang thực hiện đầu tư tuyến ống thu gom để đầu nối nước thải của các doanh nghiệp, bao gồm Kho cảng Thị Vải của PV GAS, vào Trạm xử lý nước thải tập trung khu Bắc KCN Cái Mép. Do đó, khi Trạm xử lý nước thải tập trung đi vào vận hành, toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sau HTXL của Dự án sẽ được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Cái Mép.

4.2. Thu gom, quản lý và xử lý khí thải

- Dự án vận hành ở chế độ bình thường không phát sinh khí thải nên không cần áp dụng các biện pháp thu gom, quản lý và xử lý bụi, khí thải.

4.3. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và nguy hại

Biện pháp xử lý đang thực hiện tại KCTV hiện nay (sẽ được áp dụng để xử lý cho chất thải phát sinh từ hoạt động bảo trì của Dự án) được tóm tắt như sau:

Kí hiệu	Nội dung
H1	Phân loại chất thải tại nguồn bằng các thùng chứa phân biệt bằng màu và có dán nhãn.
H2	Bố trí rải rác các thùng chứa chất thải trong khuôn viên của KCTV (khu vực nhà điều hành, khu vực sản xuất).
H3	Tập trung các thùng chứa khi đã đầy tại vị trí quy định để định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý.
H4	Được chuyển giao cho Công ty TNHH Hà Lộc để xử lý theo HĐ số 198/2023/KVT/TMHD-HL/D ngày 05/06/2023 có hiệu lực đến ngày 13/09/2024.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Hiện nay, Dự án đã hoàn thành thi công xây dựng, Chủ đầu tư dự án cam kết sẽ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án như sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường nhằm đảm bảo chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được kiểm soát theo quy định hiện hành.
- Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu ô nhiễm do chất thải nguy hại: phân loại, lưu trữ tạm thời và giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát và phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra gây tác động đến môi trường như rò rỉ khí, cháy nổ,...
- Chấp hành nghiêm ngặt các thủ tục nội bộ của Tổng công ty cũng như đơn vị vận hành nhằm đảm bảo an toàn cho tất cả nhân viên.
- Giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường cho tất cả nhân viên.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các biện pháp có thể để ứng phó cũng như các biện pháp giảm thiểu tổn thất về tính mạng và tài sản.

Chúng tôi gửi kèm văn bản này 01 (một) bản copy Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Bồn chứa LPG Thị Vải.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND phường Tân Phước tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án Bồn chứa LPG Thị Vải.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban ATMT PV GAS (e-copy);
- Công ty KVT (e-copy);
- Ban Giám đốc DAK (để báo cáo);
- Phòng PTDA, TKCN, KTGS;
- Lưu VT, AT.01.

Đính kèm:Đính kèm:

- Quyết định số 155/QĐ-BQL ngày 08/12/2021.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đồng

C.P.

Số: 155/QĐ-BQL

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bồn chứa LPG Thị Vải” tại khu công nghiệp Cái Mép, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bồn chứa LPG Thị Vải” tại KCN Cái Mép, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu họp ngày 19 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bồn chứa LPG Thị Vải” tại KCN Cái Mép, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 2075/KVN-DAK ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP;



Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bồn chứa LPG Thị Vải” tại KCN Cái Mép, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP (chủ dự án);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Tân Phước;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, HSMT, Website Ban.

TRƯỞNG BAN



Ban Quản
lý các khu
công
nghiệp

Nguyễn Anh Triết

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

**“Bồn chứa LPG Thị Vải” tại KCN Cái Mép, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 12 năm 2021
của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu)*

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: “Bồn chứa LPG Thị Vải”.
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP.
- Đơn vị quản lý, vận hành: Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP – Công ty chế biến khí Vũng Tàu.
- Dự án “Đường ống dẫn sản phẩm và kho cảng tại Phước Hòa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” đã được Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2195/QĐ-BKHCNMT ngày 14 tháng 11 năm 1998.
- Dự án “Đầu tư kho LPG lạnh Thị Vải” tại KCN Cái Mép đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 103/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 5 năm 2009.
- Dự án “Nâng công suất Cảng PVGAS Vũng Tàu” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 336/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 02 năm 2010.
- Dự án “Nâng công suất Cảng PVGAS Vũng Tàu” đã được Tổng cục Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của tại Giấy xác nhận số 530/TCMT-TĐ ngày 24 tháng 04 năm 2012.

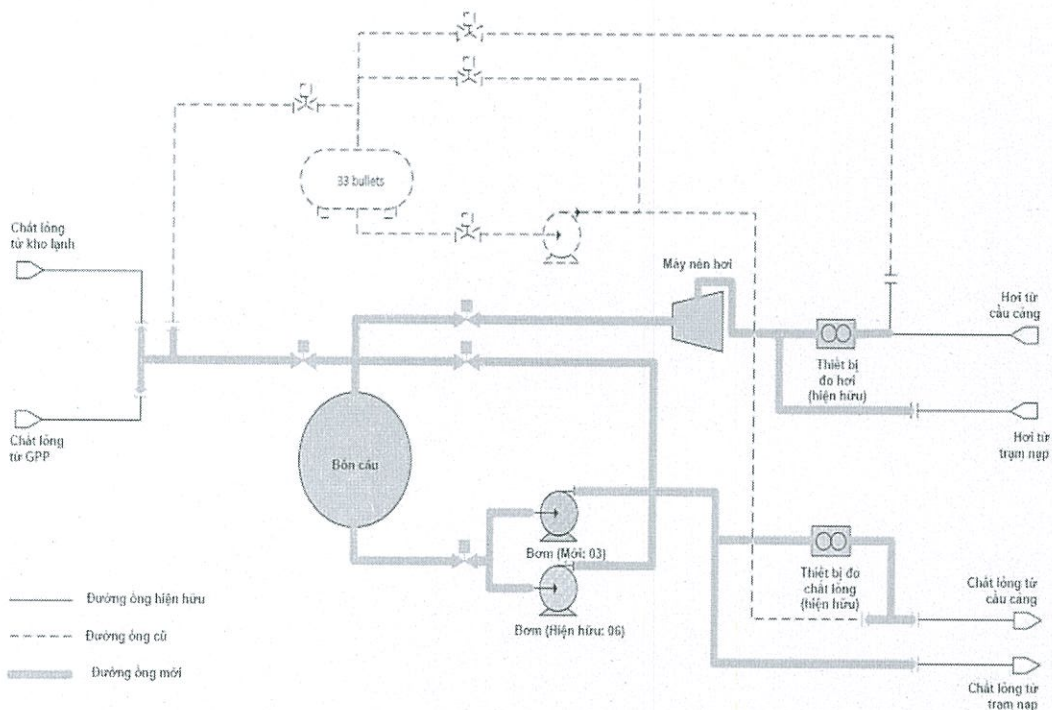
- Dự án “Nâng công suất trạm nạp LPG Thị Vải lên 40.000 tấn LPG/tháng” đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 3815/UBND-TNMT ngày 10 tháng 7 năm 2017.

- Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP – Công ty chế biến khí Vũng Tàu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3051/GP-BTNMT ngày 27/11/2015.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Lắp đặt 03 bồn chứa LPG hình cầu mới, dung tích 2.000 tấn/ bồn.
- Lắp đặt 03 bơm xuất LPG mới, công suất 250 m³/giờ/ bơm.
- Lắp đặt 02 bồn chứa nước chữa cháy mới dung tích 3.625 m³/bồn và 03 bơm chữa cháy thiết kế 3x50% công suất 1.152 m³/giờ/bơm.
- Thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống ống cứu hỏa, hệ thống giá đỡ ống (pipe rack), ống công nghệ, thiết bị cơ khí/ điện/ điều khiển ... và có kết nối với hệ thống hiện hữu nhằm phục vụ công tác PCCC và vận hành của Kho cảng Thị Vải sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng.

1.2. Công nghệ sản xuất:



1.3. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Tổng diện tích của khu Kho cảng Thị Vải (KCTV): 35,6 ha.
- Tổng diện tích của dự án: dự án tiến hành thực hiện trên khu đất có diện tích 0,79 ha nằm trong tổng diện tích 35,6 ha của KCTV.
 - + Khu vực 03 bồn hình cầu chứa LPG công suất 2.000 tấn/bồn trong khu vực N9B diện tích khoảng 0,54 ha;
 - + Phần diện tích cần cho hệ thống PCCC và phụ trợ khoảng 0,25 ha (thuộc một phần khu đất N2B).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng.
- Nước thải từ hoạt động làm sạch và thử thủy lực đường ống, bồn bể.
- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công xây dựng.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.
- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị xây dựng.
- Bụi từ hoạt động bóc dỡ và san lấp mặt bằng.
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng và lắp đặt.
- Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ hoạt động hàn, cắt, sơn.
- Ô nhiễm từ hoạt động của các máy móc và thiết bị thi công
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng.

2.1.2. Giai đoạn vận hành

Dự án Chỉ phát sinh nước thải nhiễm dầu và chất thải nguy hại từ hoạt động bảo dưỡng và khí thải trong trường hợp khẩn cấp, không làm phát sinh thêm chất thải khác so với hoạt động hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của công nhân xây dựng, với tổng khối lượng ước tính khoảng là 1.175 m^3 (tính theo tổng thời gian thi công). Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động làm sạch và thử thủy lực đường ống, bồn bể, với tổng khối lượng ước tính khoảng 14.821 m^3 (tính theo tổng thời gian thi công). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là cặn rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công xây dựng, với lưu lượng khoảng $0,208 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm các chất lơ lửng, hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P,...

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: không phát sinh. Do dự án không phát sinh thêm người.

- Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng (định kỳ 5 – 7 năm/lần), được tiến hành lần lượt từng bồn chứa, tổng lưu lượng khoảng 727 m^3 , với lưu lượng nước 01 lần thải khoảng 242 m^3 .

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, hàn cắt, sơn. Thành phần: Bụi, SO_2 , CO, NO_x ,...

2.3.2. Giai đoạn vận hành

Phát sinh từ hoạt động của đuốc đốt trong trường hợp khẩn cấp, với tổng lượng khí thải phát sinh ước khoảng 8 tấn/giờ. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là CO_2 , CO, NO_x , SO_2 ,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng với khối lượng khoảng: khoảng 12 tấn (tính theo tổng thời gian thi công).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng với khối lượng khoảng: 401 tấn (tính theo tổng thời gian thi công).

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: không phát sinh. Do dự án không phát sinh thêm người.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Kho cảng Thị Vải không thực hiện phân loại chất thải rắn thông thường mà quản lý như đối với chất thải nguy hại.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 0,2 tấn (tính theo tổng thời gian thi công). Thành phần chất thải nguy hại bao gồm: giẻ lau,...

2.5.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ khoảng 50 kg/năm. Thành phần chất thải nguy hại bao gồm: Hộp mực in thải, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: bố trí các nhà vệ sinh lưu động và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

- Đối với nước thử thủy lực: nguồn nước sử dụng là nước cấp và không châm thêm hóa chất. Do đó, nước sau khi thử thủy lực sẽ được lấy mẫu để kiểm tra. Trường hợp đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ thải ra sông Thị Vải. Trường hợp không đạt, sẽ đưa về bể lắng (với kích thước $2 \times 1,5 \times 1,5\text{m}$) để lắng, sau đó thải ra sông Thị Vải.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào các rãnh thoát nước và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

- Nước thải nhiễm dầu phát sinh trong quá trình bảo dưỡng được đưa về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu tại Kho cảng Thị Vải (công suất xử lý 288 m³/giờ) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi thải ra sông Thị Vải (đã được Tổng cục Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 530/TCMT-TĐ ngày 24 tháng 4 năm 2012).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước nhiễm dầu trong quá trình bảo dưỡng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi thải ra sông Thị Vải.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí bạt che phủ phía trên cho các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng nhằm hạn chế bụi và rơi vãi vật liệu trên tuyến đường vận chuyển.

- Phun nước định kỳ tại công trường.

- Trang bị bạt hoặc vải để che chắn kín khu vực thi công các bồn chứa.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

Trong trường hợp có sự cố, khẩn cấp, theo nguyên tắc thiết kế, LPG sẽ được cô lập trong bồn, đường ống bằng các van ngắt khẩn cấp (SDV).

Đối với bồn chứa LPG, khi có trường hợp quá áp (trường hợp nhiệt độ của bồn tăng làm tăng áp suất LPG trong bồn chứa), hơi LPG trong bồn sẽ được xả qua van giảm áp PSV được lắp đặt trên bồn chứa theo tiêu chuẩn thiết kế. Lượng xả tối đa ở cả 3 bồn chứa trong trường hợp phải xả qua PSV cùng lúc là 295 tấn/giờ. Thời gian xả 1 lần dưới 1 giây và ngừng xả khi đạt áp suất vận hành của bồn chứa. Lượng hơi LPG này sẽ được xả vào môi trường tương tự như các kho chứa thông thường khác, không đưa vào vào hệ thống đuốc đốt (flare) hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

Đối với LPG trong đường ống, chỉ được thiết kế xả bằng tay (manual) qua hệ thống xả đỉnh (vent) và xả đáy (drain) và được đấu nối về đuốc đốt hiện hữu. Tổng lượng xả qua vent và drain của dự án 2,8 tấn/giờ.

Đuốc đốt hiện hữu tại Kho cảng Thị Vải có công suất 26,6 tấn/giờ được thiết kế và vận hành đảm bảo tiếp nhận và xử lý được toàn bộ lượng LPG xả tay (manual) tại các điểm xả đỉnh, xả đáy của Kho cảng Thị Vải bao gồm lượng xả 2,8 tấn/giờ từ Dự án. Lượng xả tay sẽ được vận hành viên kiểm soát phù hợp với công suất của đuốc qua các quy trình cấp phép làm việc.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và các trường hợp khẩn cấp tại dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các thùng rác có dán nhãn tại các vị trí cố định trên công trường để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại và lưu chứa.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý đối với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Chủ dự án thực hiện thu gom, quản lý, chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường như là CTNH.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ; Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các thùng chứa CTNH có dán nhãn tại các vị trí cố định trên công trường để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại và lưu chứa.
- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý đối với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh trong quá trình bảo dưỡng được thu gom cùng với các loại chất thải phát sinh trong hoạt động hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Tuân thủ theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các

quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật (đạt tỷ lệ tối thiểu 20% trên tổng diện tích đất).

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Đảm bảo an toàn khi kết nối các thiết bị dự án với các công trình hiện hữu tại Kho cảng Thị Vải: xây dựng quy trình đấu nối; Các điểm đấu nối (tie-in) được lắp đặt sẵn tại các công trình cần đấu nối; Chỉ thực hiện ở các thời điểm dừng khí để bảo dưỡng định kỳ của các công trình thuộc Kho cảng Thị Vải.

- Phòng chống sự cố rò rỉ khí và cháy nổ: Chủ dự án đã thực hiện báo cáo đánh giá rủi ro và đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 2304/QĐ-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2021.

- Phòng chống sự cố tràn dầu: Kho cảng Thị Vải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2010.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Mạng lưới thu gom nước mưa của Kho cảng Thị Vải hiện hữu.
- Hệ thống thu gom, xử lý nước nhiễm dầu của Kho cảng Thị Vải hiện hữu.
- Hệ thống đước đốt hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và hoạt động

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt

- Chỉ tiêu/thông số: các chứng từ liên quan về chuyển giao, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất giám sát: theo số lần chuyển giao.

- Tần suất báo cáo: mỗi tháng trong suốt thời gian thi công.

5.1.2. Đối với nước thải thủy lực

- Thông số giám sát: chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
- Tần suất giám sát: sau khi kết thúc hoạt động thử thủy lực của từng thiết bị (Bồn chứa LPG, tuyến ống)/cụm thiết bị (mẻ).

5.2. Giai đoạn hoạt động

Dự án thực hiện chương trình giám sát chung với chương trình giám sát hiện hữu của Kho cảng Thị Vải.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải nhiễm dầu đã qua hệ thống xử lý của Kho cảng Thị Vải trước khi thải ra sông Thị Vải.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, độ đục, COD, BOD₅, DO, TSS, tổng N, tổng P, hàm lượng dầu mỡ khoáng, TOC, độ dẫn điện (EC), Hydrocacbon, Cu, Pb, Zn, Cd, Cr, Hg, Fe, Ni, Mn, Ba, Ca, Mg, NH₄⁺, NO₃⁻, NO₂⁻, SO₄²⁻, Clorua, Phenol, Coliforms, Asen, Cr (III), Cr (VI), Tổng Xianua;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.4. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.5. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.6. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2021 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.7. Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với chất thải với tần suất 03 tháng/01 lần. Định kỳ 01 năm/lần báo cáo tiến độ thực hiện dự án và công tác bảo vệ môi trường dự án về Ban Quản lý các KCN để theo dõi, giám sát./.